VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU: TỪ THỜ PHỤNG ĐẾN DẪN DẮT BẢN HỘI

Phạm Thị Thanh
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
Nguyễn Đăng Đạt
Trường Đại học KHXH&NV

Tóm tắt: *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam, được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2016, là một hình thức tín ngưỡng dân gian đặc sắc có chiều sâu lịch sử và tính bản địa cao. Trong cấu trúc thực hành và truyền nối tín ngưỡng này, phụ nữ không chỉ là chủ thể thờ phụng mà còn đóng vai trò trung tâm trong tổ chức, duy trì và lan tỏa sinh hoạt tín ngưỡng, đặc biệt thông qua việc dẫn dắt các bản hội. Bài viết này tiếp cận từ góc độ nhân học tôn giáo và nghiên cứu giới để làm rõ cách thức mà phụ nữ tham gia, tạo dựng và lãnh đạo không gian linh thiêng trong thờ Mẫu, từ đó góp phần khẳng định vai trò sáng tạo của phụ nữ trong cấu trúc tôn giáo dân gian Việt Nam đương đại.*
Từ khóa: *Phụ nữ;, thờ Mẫu; bản hội; tín ngưỡng dân gian; quyền năng thiêng; giới; tôn giáo.*

Nhận bài ngày 15.10.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.11.2025
Liên hệ tác giả: Phạm Thị Thanh; email: ptthanh@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể, trong đó hình tượng người Mẹ thiêng liêng được nhân cách hóa thành các vị thần cai quản thiên nhiên, xã hội và đời sống tâm linh con người. Điểm đặc biệt của tín ngưỡng này là việc tôn vinh quyền năng nữ giới thông qua hệ thống Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Mẫu Địa và các Thánh Chầu, Thánh Cô, tạo nên một vũ trụ quan đậm sắc nữ quyền. Tuy nhiên, vai trò của phụ nữ với tư cách là người thực hành và dẫn dắt tín ngưỡng thờ Mẫu vẫn chưa được nhìn nhận một cách đầy đủ trong các công trình nghiên cứu. Trong khi đó, thực tiễn cho thấy phụ nữ không chỉ hiện diện đông đảo trong các nghi lễ như lên đồng (hầu bóng), mà còn đảm nhiệm các vị trí trọng yếu trong việc tổ chức nghi lễ, giảng dạy nghi thức, điều hành bản hội, thậm chí dẫn dắt xu hướng lan tỏa thờ Mẫu trên không gian mạng. Nghiên cứu này đặt mục tiêu làm rõ quy trình chuyển biến vai trò của phụ nữ từ "người thờ phụng" sang "người kiến tạo và lãnh đạo" trong hệ thống tín ngưỡng Mẫu, qua đó góp phần nhận diện mối quan hệ giữa tôn giáo bản địa, giới tính và cấu trúc quyền lực trong không gian tâm linh của người Việt hiện đại.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu này dựa trên hai hướng tiếp cận lý luận chủ đạo để phân tích vai trò của phụ nữ trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu, đó là tiếp cận giới và tiếp cận tôn giáo dân gian:

Nhân học tôn giáo và biểu tượng học nghi lễ: Tiếp cận từ trường phái biểu tượng

trong nhân học văn hóa, nghiên cứu kế thừa quan điểm của Clifford Geertz (1973) và Victor Turner (1969), theo đó tôn giáo được hiểu như một hệ thống biểu tượng có khả năng kiến tạo thế giới quan, tạo lập trật tự ý nghĩa và thiết lập khung chuẩn mực cho hành vi xã hội. Trong đó, nghi lễ không chỉ là phương tiện chuyển tải niềm tin mà còn là hình thức biểu đạt quyền lực, bản sắc và sự cấu trúc lại xã hội. Việc phân tích các nghi thức lên đồng, tổ chức bản hội và vai trò của người nữ trong không gian thiêng thờ Mẫu cho phép giải mã các tầng lớp biểu tượng liên quan đến giới, quyền năng và sự kết nối cộng đồng.

Lý thuyết nữ quyền trong nghiên cứu tôn giáo: Nghiên cứu vận dụng các khái niệm từ lý thuyết nữ quyền tôn giáo hiện đại (Sered, 1994; Mahmood, 2005) để làm rõ cách phụ nữ không chỉ là đối tượng phục vụ tín ngưỡng mà còn là chủ thể kiến tạo và duy trì không gian thiêng. Sự tham gia tích cực của phụ nữ trong các hoạt động nghi lễ, tổ chức bản hội và truyền bá tín ngưỡng trên nền tảng số được hiểu như một hình thức tái định nghĩa vai trò giới trong thực hành tôn giáo dân gian. Quan điểm này đặt ra thách thức đối với các mô hình lý thuyết cổ điển về quyền lực tôn giáo vốn thường bị chi phối bởi nam giới, đồng thời mở rộng hiểu biết về cách thức quyền năng nữ giới được thể hiện trong ngữ cảnh tín ngưỡng bản địa Đông Nam Á.

Việc kết hợp hai lý thuyết trên không chỉ cung cấp nền tảng để lý giải các biểu hiện cụ thể của vai trò phụ nữ trong thực hành thờ Mẫu, mà còn góp phần đặt vấn đề về mối quan hệ giữa giới - nghi lễ - quyền lực trong không gian linh thiêng Việt Nam đương đại.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nhân học thực địa kết hợp với phân tích định tính để tiếp cận vai trò của phụ nữ trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu từ góc độ tôn giáo dân gian và giới. Phương pháp được triển khai theo các hướng sau:

Điều tra điền dã nhân học: Tiến hành khảo sát thực địa tại bốn địa điểm có hoạt động thờ Mẫu tiêu biểu, bao gồm: Hà Nội, Nam Định, Phú Thọ, Sơn La trong giai đoạn 2023 - 2024. Các địa điểm được chọn nhằm đảm bảo sự đa dạng về vùng miền, mức độ đô thị hóa và truyền thống tín ngưỡng. Việc quan sát tham dự (participant observation) được sử dụng để ghi nhận trực tiếp các nghi lễ hầu đồng, sinh hoạt bản hội, khóa học hát văn, cũng như vai trò của phụ nữ trong các hoạt động tổ chức và truyền dạy.

Phỏng vấn sâu bán cấu trúc (semi-structured interviews): Thực hiện 20 cuộc phỏng vấn sâu với các phụ nữ tham gia thờ Mẫu trong các vai trò khác nhau: thủ nhang, thanh đồng, cung văn, học trò, thành viên bản hội. Các câu hỏi tập trung vào quá trình gia nhập tín ngưỡng, trải nghiệm lên đồng, vai trò trong tổ chức bản hội và quan điểm cá nhân về quyền năng thiêng, giới tính và lãnh đạo tâm linh.

Phân tích nội dung truyền thông số và nghi lễ thị giác: Thu thập và phân tích nội dung từ các nền tảng mạng xã hội (Facebook, TikTok, YouTube) do phụ nữ quản lý, bao gồm livestream nghi lễ, video giảng dạy hát văn, các bài chia sẻ kinh nghiệm tâm linh. Trong quá trình tham dự các phiên livestream của các thanh đồng trên mạng xã hội, tác giả đặt câu hỏi và thu thập thông tin truyền thông từ các phiên livestream. Đồng thời, sử dụng phân tích hình ảnh nghi lễ (visual analysis) để giải mã biểu tượng giới và cấu trúc quyền lực thiêng thông qua biểu hiện thân thể, phục trang, động tác và âm nhạc trong các buổi hầu đồng.

Phân tích nội dung văn bản (content analysis): Xử lý các văn bản nghi lễ như văn khấn, lời hát văn, nghi thức hầu đồng, cùng các yếu tố biểu tượng trong trang phục và đạo cụ. Phân tích được định hướng bởi khung biểu tượng học nghi lễ và lý thuyết nữ quyền tôn giáo, nhằm làm rõ cách thức hình thành và tái định nghĩa vai trò của phụ nữ trong không gian linh thiêng.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Phụ nữ trong cấu trúc nghi lễ thờ Mẫu: Từ người thờ phụng đến người biểu đạt quyền năng

Trong nhiều truyền thống tôn giáo chính thống và có tính thiết chế cao, vai trò của phụ nữ thường bị giới hạn trong các chức năng phục tùng, thụ động hoặc mang tính hậu cần, trong khi các vị trí lãnh đạo nghi lễ, chủ tế hoặc trung gian với thần linh phần lớn do nam giới đảm nhiệm. Như Susan Sered (1994) đã chỉ ra trong nghiên cứu *Priestess, Mother, Sacred Sister*, phần lớn các tôn giáo do phụ nữ chi phối thường là các tôn giáo không chính thức (noninstitutional), mang tính dân gian hoặc bản địa, nơi mà phụ nữ được trao quyền năng thiêng thông qua thân thể, vai trò nuôi dưỡng và kết nối cộng đồng.

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam là một ví dụ điển hình của hình thái tôn giáo dân gian mang sắc thái nữ quyền, nơi phụ nữ không chỉ là người hành lễ mà còn trở thành chủ thể biểu đạt quyền lực linh thiêng. Nghi lễ lên đồng (hầu bóng), một hình thức diễn xướng tâm linh độc đáo kết hợp giữa tôn giáo, nghệ thuật và biểu tượng học, cho phép người phụ nữ nhập thể các vị thần, đa phần là nữ, thông qua thân thể, trang phục, âm nhạc và vũ điệu. Trong trạng thái hầu đồng, người phụ nữ không còn là chính mình, mà là "hiện thân của thần linh", giữ vai trò trung gian thiêng liêng giữa thế giới phàm tục và cõi siêu nhiên (Taylor, 2007).

Về mặt biểu tượng, cơ thể người phụ nữ trong nghi lễ thờ Mẫu trở thành không gian của biểu đạt thiêng, nơi năng lượng tâm linh được thể hiện và truyền đạt thông qua hành vi, cử chỉ, biểu cảm và lời nói. Điều này đặt ra một dạng "quyền năng thiêng hóa" mang tính biểu hiện rõ rệt, mà theo quan điểm của Talal Asad (1993), là biểu hiện của sự tái cấu trúc quyền lực tôn giáo thông qua nghi lễ. Trong trường hợp này, người phụ nữ không chỉ tiếp cận thần linh mà còn "thể hiện" thần linh thông qua chính cơ thể mình, một sự thể hiện quyền lực mà không cần thông qua trung gian nam giới.

Số liệu khảo sát thực địa tại các trung tâm thờ Mẫu như Hà Nội và Nam Định cho thấy khoảng 65% các thanh đồng là nữ giới, trong đó một tỷ lệ đáng kể đã tiến hóa từ vị trí "con nhang đệ tử" sang "đồng thầy" hoặc "thủ nhang" những người có vai trò chủ chốt trong tổ chức nghi lễ và điều hành bản hội. Quá trình chuyển đổi vai trò này không chỉ là sự phát triển cá nhân mà còn phản ánh cơ chế truyền nối quyền lực linh thiêng qua trải nghiệm, học tập và thực hành nghi lễ, trong đó yếu tố giới đóng vai trò trung tâm.

Thực tiễn điền dã cũng cho thấy các nữ thanh đồng thường có khả năng truyền cảm hứng, dẫn dắt cộng đồng và duy trì đạo hạnh, từ đó trở thành những "người mẹ tinh thần" trong hệ sinh thái tín ngưỡng. Vai trò của họ không chỉ gói gọn trong nghi lễ, mà còn mở rộng sang lĩnh vực giáo dục tâm linh, bảo tồn di sản và thậm chí cả quản lý truyền thông mạng xã hội trong cộng đồng tín ngưỡng.

Từ góc nhìn biểu tượng học nghi lễ của Victor Turner (1969), có thể thấy người phụ nữ trong hầu đồng đảm nhận chức năng của một "liminal figure" nhân vật đứng giữa các ranh giới: phàm/thánh, cá nhân/xã hội, nữ giới/thần linh. Trong trạng thái này, họ vừa mang tính chuyển tiếp vừa là chất keo kết nối cộng đồng, là hiện thân của một quyền năng thiêng được xã hội chấp nhận và tôn kính.

Trong cấu trúc nghi lễ thờ Mẫu, phụ nữ không còn giữ vai trò thụ động như trong nhiều mô hình tôn giáo truyền thống, mà đã và đang trở thành trung tâm sáng tạo và biểu đạt quyền năng linh thiêng. Sự chuyển dịch từ "người thờ phụng" sang "người hiện thân và kiến tạo thần linh" chính là biểu hiện sâu sắc của một nữ quyền bản địa hóa, vừa bám rễ trong văn hóa dân gian, vừa phản ánh những biến chuyển tinh vi của cấu trúc giới trong đời sống tâm linh Việt Nam đương đại.